

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164/2021/DS-ST**

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Diễm Huyền

Ông Trần Hoàng Bảy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” thụ lý số 101/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2021/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, và Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2021/QĐST-DS ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn T

- Bà Huỳnh Thị Phương H

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Người làm chứng:* Bà Lê Thị Tuyết N; địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Vào ngày 30/4/2018, bà C có thỏa thuận nhận cầm cố phần đất vườn có diện tích là 05 công (tầm 3m) tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Phương H, thời gian cầm cố đến cuối năm 2020, số tiền cầm cố là 172.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận do chính tay bà H

viết. Trên thực tế bà C không có nhận đất để canh tác từ khi thỏa thuận cầm cố đến nay, về số tiền bà C cho biết là vợ chồng ông T, bà H đã vay mượn của bà C nhiều lần được tính toán cộng dồn lại, đến ngày làm giấy cổ đất thì vợ chồng ông T, bà H nợ bà C 172.000.000 đồng. Đến nay cũng đã hết thời hạn cầm cố mà vợ chồng ông T, bà H chưa trả lại số tiền này, nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H phải trả cho bà số tiền 172.000.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Phương H trình bày: Bà H thừa nhận trước đây có vay tiền của bà C nhiều lần, nhưng về thời gian và số tiền cụ thể từng lần vay thì bà không nhớ vì không có làm giấy tờ, sau khi vay thì thỉnh thoảng bà cũng có đóng lãi nhưng không đầy đủ và đến nay cũng chưa trả vốn gốc; đến ngày 30/4/2018 hai bên tính vốn lãi bằng số tiền 70.700.000 đồng nhưng bà H không có tiền trả nên mới thỏa thuận cầm cố đất để trừ nợ, vì vậy bà H đã trực tiếp viết giấy tay cổ đất cho bà C với giá 172.000.000 đồng, số tiền này là đã được tính lãi đến hết thời hạn cầm cố vào cuối năm 2020. Bà H còn cho biết việc làm giấy cổ đất chỉ để tin tưởng nhau và kéo dài thời gian trả nợ chứ bà cũng không có giao đất cho bà C, giấy cổ đất do bà H trực tiếp viết, ông T không có ký tên mà do con bà ký thay; các lần vay tiền của bà C do một mình bà H đi vay, nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn biết, vì số tiền vay mượn của bà C mang về để trị bệnh cho cháu nội và xây dựng nhà một phần. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà C đòi số tiền 172.000.000 đồng thì bà H không đồng ý vì bà không có khả năng trả.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông T không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn ông T và bà H trả bà C số tiền 172.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và qua lời khai của các bên đương sự cho thấy, bà H có vay mượn tiền của bà C nhiều lần đến nay chưa trả, tuy các bên khai nhận còn mâu thuẫn, chưa rõ ràng về số tiền cho vay mượn và việc tính lãi suất vì khi vay mượn không có làm giấy tờ; chỉ đến khi thống kê số nợ để làm giấy cầm cố đất thì mới có thể hiện số tiền là 172.000.000 đồng. Qua xác minh được biết giấy tay cầm cố đất do bà H tự viết và lập tại nhà bà Lê Thị Tuyết N, xuất phát từ việc bà H còn nợ tiền của bà C nhiều lần và hai bên đã thống nhất số tiền bà H phải trả cho

bà C vào cuối năm 2020 là 172.000.000 đồng nên đã làm giấy cổ đất. Bà H thừa nhận việc xác lập giấy cổ đất này là có thật, do chính bà H và bà C tự thỏa thuận, không bị ai ép buộc và từ khi làm giấy cổ đất đến nay thì bà H cũng không có giao đất cho bà C canh tác. Xét thấy việc làm giấy tay cổ đất với số tiền 172.000.000 đồng mặc dù sự việc cầm cố đất không diễn ra trên thực tế nhưng đây được coi là phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền này, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với việc bà H cho rằng bà C cho vay lãi nặng, dẫn tới số tiền tính toán và thống kê trong giấy cổ đất lên tới 172.000.000 đồng là do lãi nhập vào vốn nhiều lần và tính lãi suất cao, vì vậy khi cung cấp lời khai cho Tòa án thì bà H chỉ chấp nhận số tiền nợ bà C là 50.000.000 đồng, tại phiên tòa bà H giảm xuống và chỉ chấp nhận nợ là 30.000.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ gì để chứng minh, các lần vay mượn tiền và lãi suất không có thể hiện bằng giấy tờ, cũng không có người làm chứng; bên cạnh đó, được biết bà H đã từng là giáo viên nên trước khi xác lập giao dịch từ vay mượn tiền, đến việc làm giấy cổ đất, thì đã có sự suy nghĩ, cân nhắc đúng trước khi quyết định, không thể bị ai lừa dối; mặt khác, Tòa án xác minh chính quyền địa phương cho biết từ trước đến nay chưa có thông tin phản ánh đối với bà C cho vay lãi nặng.

[4] Bà H cho biết có vay tiền của bà C để chữa trị bệnh cho người thân và sửa chữa nhà một phần, việc này ông T có biết. Tuy nhiên ông T được Tòa án triệu tập để cung cấp lời khai nhưng không đến, cũng không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, điều này cho thấy ông T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C; xét thấy, về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình, thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và nghĩa vụ, do đó, khi có căn cứ xác định nghĩa vụ của bà H đối với bà C thì cần buộc ông T (chồng của bà H) phải cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng ông T, bà H còn nợ bà C 172.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T, bà H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà C số tiền này theo quy định tại Điều 166 và Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 280, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền 172.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.** Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Phương H phải liên đới chịu 8.600.000 đồng (*tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**